ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1575 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 26 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2014

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Công văn số 1943/BTTTT-CNTT ngày 04/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 77/TTr-STTTT ngày 18/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2014 *(kèm theo Kế hoạch số 34/KH-STTTT ngày 18/10/2013 của Sở Thông tin và Truyền thông).*

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- PVP (H.Hùng);
- CVVX (T);
- Cổng TTĐT;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, Mi55/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Hải

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 84 /KH-STTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 10 tháng 10 năm 2013

KẾ HOẠCH
Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2014.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2013.

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã triển khai liên thông đến 53 đơn vị, trong đó 34 Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Tỉnh ủy, 09 Huyện ủy và 09 UBND huyện, thành phố; các đơn vị đưa vào khai thác sử dụng, các ứng dụng được sử dụng trên mạng truyền số liệu chuyên dùng như: Cổng, Trang thông tin điện tử, phần mềm quản lý hồ sơ công việc liên thông (VIC), hội nghị truyền hình trực tuyến và khai thác internet.

- 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đã có mạng LAN, được kết nối mạng chuyên dùng của Chính phủ, các cơ quan nhà nước đều kết nối mạng internet tốc độ cao.

- Hiện nay, toàn tỉnh có 97 máy chủ (cơ quan quản lý nhà nước 46 máy, cơ quan Đảng, Đoàn thể 51 máy); tỉnh đang đầu tư Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu. Máy tính bàn 2.824 máy, máy tính xách tay 291 máy, tỷ lệ đạt khoảng 0,65 người/máy; máy scan văn bản 198 máy; máy tính bảng 105 máy.

- Theo số liệu khảo sát nhu cầu trang bị thiết bị cho ứng dụng CNTT cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ, đoàn thể cấp huyện và cấp tỉnh rất lớn; chỉ tính riêng năm 2013 nhu cầu: máy tính để bàn 1.310 máy, máy tính xách tay 339 máy, máy scan văn bản 125 máy và máy tính bảng 272 máy nhưng chưa có kinh phí thực hiện.

- Cơ sở hạ tầng CNTT tại các cơ quan nhà nước về cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu để triển khai các ứng dụng CNTT của Chính phủ và Kế hoạch của tỉnh. Tuy nhiên, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông vẫn còn rất thấp; có đến 90% các sự cố máy tính liên quan đến virus cũng như các phần mềm độc hại khác được phát tán trên mạng, trong khi đó với hiện trạng cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị hiện nay hầu như chưa được xây dựng hệ thống bảo mật và vấn đề an toàn, an ninh thông tin hầu như chưa được quan tâm đúng mức. Tại UBND các huyện, thành phố chỉ mới dừng lại ở mức đầu tư mạng LAN mà chưa đầu tư các hệ thống an ninh, bảo mật. Trong các dự án về Công nghệ

thông tin, các chủ đầu tư chưa quan tâm nhiều đến giải pháp kỹ thuật, giải pháp hành chính để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực quản trị, an ninh mạng của tỉnh còn yếu và thiếu.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

Tất cả các cơ quan trong hệ thống quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đều triển khai, cài đặt xong phần mềm ứng dụng mã nguồn mở như: phần mềm văn phòng (OpenOffice), quản lý thư điện tử trên máy trạm (Mozilla ThunderBird), trình duyệt web (Mozilla FireFox) và bộ gõ tiếng Việt (Unikey), tạo điều kiện cần khi cả nước đồng loạt chuyển sang sử dụng mã nguồn mở theo chủ trương của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phần mềm VIC là ứng dụng quan trọng trong quản lý văn bản, điều hành công việc, liên thông đến từng cơ quan, đơn vị đã được đầu tư nâng cấp và mở rộng hàng năm. Tính đến nay đã có 263 cơ quan, đơn vị, trong đó cấp tỉnh 23 đơn vị Sở, ban, ngành tỉnh; 153 phòng, ban cấp huyện, 87 cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể, Hội đặc thù cấp tỉnh và cấp huyện. Kết quả văn bản xử lý qua phần mềm VIC so với văn bản thực tế đạt 86% ở cấp tỉnh, 90,1% ở cấp huyện; đối với các cơ quan nhà nước (Tăng 7.8% đối với cấp tỉnh và 6.8% đối với cấp huyện so với năm 2012); Đối với các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và các Hội đặc thù việc xử lý văn bản qua phần mềm VIC so với văn bản thực tế đạt 51.1% cấp tỉnh, 66.8% cấp huyện. Qua đó tiết kiệm được rất nhiều thời gian và chi phí trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Thư điện tử của tỉnh đã có quy chế sử dụng của UBND tỉnh từ tháng 12 năm 2009, tại Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND, tính đến nay đã có 3.382 cán bộ, công chức, viên chức đăng ký sử dụng. Tuy nhiên việc sử dụng hộp thư này là rất hạn chế do Trung ương đã đầu tư nhiều năm trước nên chưa nâng cấp đã lạc hậu về công nghệ, tỉnh đang đầu tư nâng cấp trong dự án nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh trong năm 2013.

Phần mềm Một cửa điện tử đã được triển khai thí điểm tại huyện Cái Nước đã giải quyết được 994 hồ sơ của công dân qua mạng, nhưng qua đánh giá sơ bộ cho thấy còn nhiều tiêu chí chưa đáp ứng theo quy định hiện hành như: tiêu chuẩn ISO 9001-2008, dịch vụ công trực tuyến quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục, đào tạo, Y tế được chú trọng, đẩy mạnh. Ứng dụng phần mềm Quản lý học sinh do các nhà mạng Viettel, VNPT và Công ty Prosoft hỗ trợ cho các trường cài đặt miễn phí, chỉ thu tiền đối với phụ huynh học sinh thuê bao tra cứu với chi phí mỗi năm không quá 60.000đ/1 học sinh. Ứng dụng này giúp cho nhà trường quản lý khá toàn diện quá trình học tập của học sinh ngoài ra còn giúp cho phụ huynh tra cứu tình hình học tập của con, em mình trong mọi lúc, rất tiện lợi. Tính đến nay các trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý học sinh, khối trường cấp 3 đạt 100% (30/30 đơn vị), khối cấp 2 đạt 85% (77/110).

Tất cả các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đều ứng dụng phần mềm trong quản lý khám chữa bệnh, góp phần tích cực trong quản lý điều hành của bệnh viện và giảm thời gian chờ khám, chữa bệnh cho nhân dân. Đặc biệt trong các phần mềm trên có phần mềm HosSoft của doanh nghiệp tại tỉnh nhà đạt giải nhất cuộc thi sáng tạo kỹ thuật lần thứ nhất tỉnh Cà Mau, đã triển khai 7/12 bệnh viện trong tỉnh; Sau qua hội thảo rút kinh nghiệm, ngành Y tế đang khuyến cáo các bệnh viện triển khai rộng phần mềm này vì tính hiệu quả và thiết thực của nó.

Để đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, hỗ trợ người dân nghèo, cận nghèo, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa có cơ hội được tiếp cận với công nghệ thông tin, đảm bảo sự công bằng trong việc hưởng thụ các lợi ích của công nghệ thông tin và Internet, tỉnh đã triển khai dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng tại Việt Nam" tại 36 điểm (Gồm 01 Thư viện tỉnh, 08 Thư viện huyện, 09 Thư viện xã và 18 điểm Bưu điện văn hóa xã) trên địa bàn tỉnh Cà Mau, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Cổng thông tin điện tử của tỉnh đang được nâng cấp và tiếp tục phát triển, hiện có 37 Trang thông tin điện tử thành phần, thực hiện tốt nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền, cập nhật, cung cấp thông tin đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phục vụ kịp thời công tác quản lý, điều hành của cơ quan và nhu cầu khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, xét về tiêu chí đánh giá theo quy định hiện hành tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ là chưa đáp ứng, dịch vụ công trực tuyến phục vụ cho người dân và doanh nghiệp chỉ dừng ở mức độ 2, chưa có mức độ 3 và 4 ... Nên đang được đầu tư, nâng cấp và hoàn thành trong năm 2013.

4. Nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin

Nguồn nhân lực tại CBCC cấp tỉnh có 1.107 người, trong đó có trình độ CNTT bằng A trở lên là 836 người, đạt tỷ lệ 75,5%.

Nguồn nhân lực tại CBCC cấp huyện có 1.389 người, trong đó có trình độ CNTT bằng A trở lên là 787 người, đạt tỷ lệ 56,65%.

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn là 2.501 cán bộ. Số cán bộ có trình độ CNTT bằng A trở lên là 1.366 người, chiếm tỷ lệ 54, 6%, ngoài các cán bộ này hầu hết các cán bộ không chuyên trách khác chưa sử dụng thành thạo máy vi tính.

Nguồn nhân lực CNTT trong các sở, ban, ngành cấp tỉnh; phòng, ban huyện, thành phố đã tiến bộ rõ nét, số lượng CBCC có trình độ CNTT có bước phát triển nhanh. Tuy nhiên, tỷ lệ CBCC có trình độ CNTT vẫn còn thấp, chưa đủ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hiện nay, nhất là việc ứng dụng các phần mềm CNTT, khắc phục sự cố về phần mềm, phần cứng máy tính... Thời gian qua, hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn nâng cao trình độ về CNTT và truyền thông. Hàng năm tỉnh chi hàng chục tỷ đầu cho đầu tư trang thiết bị và đào tạo CNTT cho CBCCVC trong tỉnh.

Tuy nhiên so với yêu cầu nhiệm vụ mới hiện nay vẫn còn thiếu, hầu hết các đơn vị chưa thành lập bộ phận chuyên trách CNTT. Nguồn nhân lực CNTT tại UBND xã, phường, thị trấn còn yếu, chưa có khả năng tiếp nhận ngay các hệ thống ứng dụng tác nghiệp phức tạp.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2014

1. Hạ tầng kỹ thuật

Hoàn thiện hạ tầng mạng và thiết lập các dịch vụ cơ bản để đảm bảo khả năng kết nối tới các hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm hạ tầng mạng ổn định. Kết nối thông suốt với hệ thống thông tin quốc gia, đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong giao dịch trên mạng, tạo thuận lợi cho người dân khi giao tiếp với Chính phủ điện tử. Trong năm 2014 ưu tiên đầu tư cho các công việc sau:

- Hoàn thiện xây dựng Trung tâm dữ liệu của tỉnh giai đoạn 2 phục vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu song song với việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm về mặt hạ tầng kỹ thuật, an toàn dữ liệu và an ninh mạng;

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối hệ thống mạng diện rộng (WAN) cho các cơ quan xã, phường, thị trấn bảo đảm phục vụ triển khai các phần mềm ứng dụng liên thông các cấp;

- Xây dựng hệ thống an ninh mạng và bảo mật máy tính cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Kiến nghị Trung ương xúc tiến nhanh xây dựng đường truyền số liệu chuyên dùng kết nối hệ thống mạng dùng chung cho các cơ quan cấp xã kết nối liên thông về cấp huyện và cấp tỉnh;

- Tiếp tục rà soát nhu cầu, trang bị thiết bị công nghệ thông cần thiết cho các đơn vị các cấp và phương tiện kỹ thuật cần thiết để ứng dụng chữ ký số vào việc trao đổi văn bản giữa các cơ quan; giao dịch giữa các cơ quan nhà nước với công dân.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

Tăng cường khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng, Phần mềm quản lý hồ sơ công việc liên thông (VIC) hiện có, đẩy mạnh hơn nữa công tác triển khai, nâng cấp và duy trì hệ thống thông tin sau:

- Phần mềm VIC: Duy trì ứng dụng tại các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và triển khai mở rộng đến cấp xã để thực hiện đồng bộ hệ thống liên thông 03 cấp: tỉnh, huyện và xã.

- Hội nghị truyền hình trực tuyến: tăng cường việc duy trì, nâng cấp và khai thác hiệu quả hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hiện có; Xây dựng giải pháp và thực hiện đầu tư mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Các ứng dụng chuyên ngành đặc thù của từng cơ quan quản lý nhà nước trong địa bàn tỉnh, đặc biệt là ngành Giáo dục và Đào tạo, Y tế.

- Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn ứng dụng phần mềm mã nguồn mở cho các cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử thành phần sau khi được nâng cấp.

- Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 03 cấp tỉnh, cấp huyện, thí điểm mức độ 04.

- Xúc tiến, đẩy mạnh các dự án phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ Hệ thống hội chuẩn trực tuyến, kết nối bệnh viện đa khoa tỉnh với bệnh viện huyện và bệnh viện đa khoa tỉnh với bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nhân rộng ISO điện tử cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố để cung cấp thủ tục hành chính công cho người dân và doanh nghiệp.

4. Bảo đảm nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

4.1. Nguồn nhân lực chuyên trách CNTT

- Triển khai công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và truyền thông nhằm đảm bảo nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Liên kết với các đơn vị, các cơ sở đào tạo có uy tín trên cả nước tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng quản trị mạng từ cơ bản đến nâng cao, quản trị hệ thống thông tin, an toàn an ninh mạng.

4.2. Đào tạo phổ cập cho cán bộ, công chức, viên chức

- Đào tạo, bồi dưỡng phổ cập tin học căn bản, kiến thức cơ bản đến chuyên sâu về CNTT và khai thác sử dụng phần mềm ứng dụng, phần mềm dùng chung.

- Đào tạo, bồi dưỡng phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng nguồn mở.

- Đào tạo, bồi dưỡng các lớp về lĩnh vực thông tin và truyền thông.

III. GIẢI PHÁP

1. Về tài chính

- Kinh phí thực hiện triển khai ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước chủ yếu từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia

và các nguồn hợp pháp khác. Kinh phí của Trung ương hỗ trợ chủ yếu để xây dựng một số hạng mục lớn về hạ tầng kỹ thuật chung của tỉnh. Tuy nhiên Cà Mau là một trong những tỉnh vùng sông nước còn gặp nhiều khó khăn, nên rất cần Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ kinh phí thực hiện kế hoạch này.

2. Giải pháp triển khai

- Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các phòng chuyên môn, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông và các phòng Văn hóa Thông tin các huyện để đảm bảo vai trò tiếp nhận chuyển giao, đào tạo, bồi dưỡng và phối hợp triển khai các dự án ứng dụng CNTT và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

- Các phần mềm ứng dụng cho nhiều cơ quan đơn vị, thực hiện biện pháp triển khai thí điểm, tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, hiệu chỉnh và sau đó nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp tổ chức

- Thường xuyên rà soát tổ chức, kiện toàn bộ máy chuyên trách CNTT các cấp.

- Hàng quý, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh họp báo cáo, đánh giá và rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Giải pháp môi trường chính sách

- Tiếp tục triển khai các dự án theo Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông; Quyết định 357/QĐ-BTTTT ngày 15/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020; Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2011-2015.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi cho cán bộ chuyên trách CNTT ở các cấp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các dự án, nhiệm vụ năm 2014 là: **34.060.000.000** đồng (Ba mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư: 17.500.000.000 đồng.

- Nguồn vốn sự nghiệp: 16.560.000.000 đồng.

(Phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, và trách nhiệm ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, và doanh nghiệp. Tổ chức hướng dẫn người dân tham gia tích cực vào các hoạt động hành chính công trực tuyến của các cơ quan nhà nước. Phối hợp các đơn vị, hội, hiệp hội, tổ chức bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho người dân về Chính phủ điện tử và giao dịch với cơ quan nhà nước khi thực hiện các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng.

- Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và vốn sự nghiệp chi cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh để phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối vốn, để đảm bảo triển khai thực hiện phù hợp theo tiến độ của Kế hoạch này.

- Thẩm định các dự án, hạng mục công việc phù hợp với mô hình và kế hoạch tổng thể ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy chế, quy định về khai thác các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát động thi đua ứng dụng CNTT kết hợp với cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước. Có sơ kết đánh giá, báo cáo và đề nghị kịp thời Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng những đơn vị ứng dụng có hiện quả CNTT trong công tác quản lý nhà nước, triển khai thực hiện đạt các mục tiêu theo Kế hoạch đã đề ra.

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin đúng lộ trình kế hoạch đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đưa ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các đơn vị đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008.

2. Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các đơn vị có liên quan phối hợp để thực hiện tốt kế hoạch này như sau

2.1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố đẩy mạnh thực hiện Chương trình cải cách hành chính, tăng cường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan nhà nước, để tạo tiền đề cho ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước việc thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính.

2.2. Sở kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông ưu tiên cân đối nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản bố trí cho việc triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch này.

2.3. Sở Tài chính

- Đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh. Bố trí vốn sự nghiệp cho CNTT hàng năm để bảo đảm triển khai thực hiện các mục tiêu đề ra.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT trong hệ thống ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng CNTT và phổ cập kiến thức CNTT trong các trường phổ thông, và xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Chương trình ứng dụng CNTT vào công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành và việc dạy, học trong các trường phổ thông.

2.5. Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thành phố

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức để duy trì hoạt động và phát triển các ứng dụng CNTT tại đơn vị mình, đặc biệt là phần mềm VIC.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình cải cách hành chính, tăng cường áp dụng CNTT trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008, nhằm từng bước hiện đại hóa, hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch nền hành chính công trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của từng đơn vị. Trong quá trình thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, với các đơn vị có liên quan để đảm bảo về chuyên môn và kỹ thuật trong quá trình ứng dụng CNTT tại đơn vị mình.

- Xây dựng nhiệm vụ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các dự án được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2014 trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Đ/c Nguyễn Tiến Hải, PCTUBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH CÀ MAU

Võ Quốc Việt

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch Số 92/KH-STTTT ngày 18/10/2013 của Sở Thông tin và Truyền thông)

ĐVT: triệu đồng.

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung/hạng mục công việc năm 2014	Dự kiến kinh phí năm 2014	
							NS địa phương	Nguồn khác
I	**Các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư (năm 2014: 17.500 triệu đồng)**							
1	**Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ người dân và doanh nghiệp**							
1.1	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Xây dựng dữ liệu chuyên ngành	2013-2015	Sở NN&PTNT	2.000	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành	1.000	
1.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp phép lao động phục vụ dịch vụ công trực tuyến	Xây dựng dữ liệu chuyên ngành	2013-2014	Sở LĐTBXH	1.000	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành	1.000	
1.3	Xây dựng và nâng cấp Cổng thông tin điện tử giai đoạn 2	Nâng cấp một số dịch vụ công trực tuyến và kết hợp giữa ISO điện tử để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến	2014	Cổng Thông tin điện tử	2.000	Nâng cấp một số dịch vụ công trực tuyến và kết hợp giữa ISO điện tử để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến	2.000	
1.4	Xây dựng Hệ thống hội chẩn từ xa qua mạng, kết nối BV tỉnh với các BV TP.HCM	Chuẩn đoán và điều trị từ xa	2013-2014	Sở Y tế	4.500	Xây dựng Hệ thống hội chẩn kết nối BV tỉnh với các BV TP.HCM	4.500	
2	**Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin**							
2.1	Xây dựng trung tâm dữ liệu của tỉnh phục vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu	Phục vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu tỉnh	2013-2014	Sở TT&TT	18.000	Thực hiện mở rộng và nâng cấp hệ thống	7.000	
3	**Xây dựng Cơ sở dữ liệu nền tảng cho chính phủ điện tử**							
3.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ tịch	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng cho chính phủ điện tử	2013-2015	Sở Tư pháp	5.000	Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ tịch tích hợp chung vào hệ thống Trung ương đầu tư	2.000	
TỔNG CỘNG					**32.500**		**17.500**	
II	**Các dự án, nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư tại Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 16/12/2010, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất điều chỉnh sử dụng nguồn vốn sự nghiệp (năm 2014: 14.000 triệu đồng)**							

1	**Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh**							
1.1	Triển khai phần mềm quản lý hồ sơ công việc liên thông giai đoạn 3	Triển khai mở rộng đến các cơ quan cấp xã	2013-2014	Sở TT&TT	6.000	Trang bị máy tính, cài đặt phần mềm và tập huấn sử dụng	6.000	
2	**Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin**							
2.1	Xây dựng Hệ thống mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp xã.	Kết nối liên thông hệ thống mạng 3 cấp tỉnh, huyện, xã	2013- 2014	Sở TT&TT	8.000	Xây dựng Hệ thống mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp xã.	8.000	
TỔNG CỘNG					**14.000**		**14.000**	
III	**Các dự án, nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn sự nghiệp (năm 2014: 2.560 triệu đồng)**							
1	Quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	Quy hoạch ngầm hóa mạng ngoại vi tỉnh	2013-2014	Sở TT&TT	500	Lập Quy hoạch	300	
2	Duy trì, bảo trì và nâng cấp phần mềm hồ sơ công việc liên thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2011-2015	Sở TT&TT	5.400	Duy trì, bảo trì và nâng cấp hồ sơ công việc liên thông	600	
3	Đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật quản trị hệ thống hàng năm	Các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã	2011-2015	Sở TT&TT	2.900	Đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật quản trị hệ thống hàng năm	300	
4	Trả cước đường truyền số liệu mạng chuyên dùng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2011-2015	Sở TT&TT	3.000	Trả cước đường truyền số liệu mạng chuyên dùng	760	
5	Nâng cấp mở rộng, duy trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Mở rộng và duy trì hệ thống hiện tại	2011-2015	Sở TT&TT	1.800	Nâng cấp, duy trì, mở rộng hệ thống	600	
Tổng cộng					**13.600**		**2.560**	